

Bản án số: 08/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 24-6-2021

“V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ THỌ - TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Thị Ngọc Lan

2. Ông Trần Quang Huân

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Trần Hoàng - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Phạm Ngọc Hoa - Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 6 năm 2021, tại Trụ sở Toà án nhân dân thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 17/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2021 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Âu Dương H - sinh năm 1971.

Địa chỉ: Khu 2, xã H, thị xã P, tỉnh Phú Thọ. (Có mặt)

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Thu H - sinh năm 1976.

Địa chỉ: Khu 2, xã H, thị xã P, tỉnh Phú Thọ. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những lời trình bày tiếp theo tại Toà án và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Âu Dương H trình bày: Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị Thu H ngày 09/8/1996, trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống cùng mẹ anh tại khu 2, xã H, thị xã P, tỉnh Phú Thọ. Đến khoảng năm 2001, vợ chồng ra ở riêng. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 7 năm thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tình tình không hợp nhau nên thường xảy ra cãi nhau. Từ năm 2002, mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm

trọng và vợ chồng sống ly thân, không quan tâm đến nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn, anh khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thu H.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Âu Nhật L - sinh ngày 06/6/1997. Hiện nay con chung đã thành niên và có khả năng lao động nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về công nợ, công sức: Không có.

*Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Nguyễn Thị Thu H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Âu Dương H ngày 09/8/1996, trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống cùng mẹ anh H tại khu 2, xã H, thị xã P, tỉnh Phú Thọ. Đến khoảng năm 2001, vợ chồng ra ở riêng. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 7 năm thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tình tình không hợp nhau nên thường xảy ra cãi nhau. Từ năm 2005, mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng và vợ chồng sống ly thân, không quan tâm đến nhau. Nay anh H khởi kiện yêu cầu ly hôn, chị đồng ý ly hôn vì tình cảm vợ chồng không còn. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng chị được ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Âu Nhật L - sinh ngày 06/6/1997. Hiện nay con chung đã thành niên và có khả năng lao động nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung là 01 nhà xây lợp Proximăng nằm trên diện tích đất khoảng 150m² ở khu 2, xã Hà Lộc, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ, đất do mẹ anh Âu Dương H cho. Ly hôn, vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công nợ, công sức: Không có.

*Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Thọ có quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Vụ án được thụ lý đúng quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Các đương sự chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điều Điều 51, khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 4 điều 147; Khoản 1, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Âu Dương H. Xử: cho anh Âu Dương H được ly hôn chị Nguyễn Thị Thu H
- Về con chung: Con đã thành niên và có khả năng lao động nên không giải quyết.
- Về tài sản chung, công nợ, công sức: Không yêu cầu giải quyết.
- Án phí: Thực hiện theo quy định của pháp luật về án phí, lệ phí tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà. Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. **Về tố tụng:** Tranh chấp ly hôn giữa anh Âu Dương H và chị Nguyễn Thị Thu H là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn chị Nguyễn Thị Thu H có nơi cư trú tại xã H, thị xã P, tỉnh Phú Thọ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phú Thọ theo quy định tại khoản 1 điều 28, khoản 1 điều 35 và khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, anh H, chị H đã có lời trình bày tại Tòa án và Tòa án đã ra Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn chị Nguyễn Thị Thu H không có mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và pH đưa ra xét xử theo thủ tục chung. Sau khi Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử và đã tổng đạt hợp lệ cho bị đơn chị Nguyễn Thị Thu H, bị đơn đã nhận Quyết định đưa vụ án ra xét xử và có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung vắng mặt bị đơn chị Nguyễn Thị Thu H.

[2]. **Về quan hệ hôn nhân:** Anh Âu Dương H và chị Nguyễn Thị Thu H tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Phú Thọ vào ngày 09/8/1996 đó là cuộc hôn nhân tiến bộ, hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được khoảng 7 năm, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, lối sống không hợp nhau. Quá trình chung sống mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng và vợ chồng đã sống ly thân được khoảng hơn 10 năm. Nay cả anh H và chị H xét thấy tình cảm không còn và cùng đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn. Hội đồng xét xử nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa anh H và chị H không còn, đã sống ly thân từ lâu khó có thể hàn gắn lại được, như vậy đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc anh H xin ly hôn chị H là có căn cứ và phù hợp quy định tại khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[3]. **Về con chung:** Vợ chồng có 01 con chung là Âu Nhật L - sinh ngày 06/6/1997. Hiện nay con chung đã thành niên và có khả năng lao động không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. **Về tài sản chung:** Vợ chồng tự thỏa thuận không đề nghị Tòa án giải

quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. *Về công nợ, công sức*: Anh H, chị H trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. *Về án phí*: Anh Âu Dương H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 điều 28, khoản 1 điều 35, khoản 1 điều 39, khoản 4 điều 147; khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 điều 51, khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016 /UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1.*Về quan hệ hôn nhân*: Xử: Cho anh Âu Dương H được ly hôn chị Nguyễn Thị Thu H.

2.*Về con chung*: Vợ chồng có 01 con chung là Âu Nhật L - sinh ngày 06/6/1997. Hiện nay con chung đã thành niên và có khả năng lao động không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét

3.*Về án phí*: Anh Âu Dương H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002651 ngày 23/02/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã P. Anh Âu Dương H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày giao hoặc niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND thị;
- Đương sự;
- Chi cục THADS thị xã;
- Lưu hồ sơ (2 bản);
- Lưu văn phòng.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Thu Hiền